

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC
TẠI VIỆT NAM: MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN**
**PROVISIONS OF THE LAW RELATED TO FOREIGN
EMPLOYEES WORKING IN VIETNAM: SOME
INSUFFICIENCIES AND COMPLETION ORIENTATION**

*LÊ NGỌC THANH**

*HÀ LÂM HỒNG***

Ngày nhận bài: 22/08/2018

Ngày phản biện: 29/08/2018

Ngày đăng bài: 15/09/2018

Tóm tắt:

Tác giả bài viết này đã trình bày một số nội dung có liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật nói trên; tác giả đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật lao động hiện hành.

Từ khóa:

Người lao động nước ngoài, pháp luật lao động.

Abstract:

The author of this article presents some contents related to foreign employees working in Vietnam. Based on the analysis of the above legal regulations; the author proposes amendments and supplements to contribute to the improvement of the current labor law.

Keywords:

Foreign employees, labor law.

1. Quy định pháp luật lao động có liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1.1. Về điều kiện có liên quan đến việc tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Thứ nhất, đối với người lao động

(i) Điều kiện yêu cầu đầu tiên đối với người lao động (NLĐ) phải là *công dân nước ngoài*. Điều này có nghĩa là, người nước ngoài nhưng không có quốc tịch thì không được làm việc tại Việt Nam.

* TS., Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở II thành phố Hồ Chí Minh); Email: lengocthanh49@yahoo.com

** ThS., Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở II thành phố Hồ Chí Minh).

(ii) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

(iii) Có trình độ chuyên môn, tay nghề và sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc.

(iv) Không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

(v) Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ các trường hợp công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động như sau:

- Là thành viên góp vốn hoặc là chủ sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Là thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần.

- Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

- Là luật sư nước ngoài đã được cấp giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.

- Theo quy định của Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Là học sinh, sinh viên học tập tại Việt Nam làm việc tại Việt Nam nhưng người sử dụng lao động (NSDLĐ) phải báo trước 07 ngày với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

- Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ; trong đó có quy định chuyên gia là NLD nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Có văn bản xác nhận là chuyên gia của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài; (b) Có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà NLD nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam; trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định¹.

Ngoài ra, lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải tuân theo pháp luật lao động Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác và được pháp luật Việt Nam bảo vệ².

¹ Chính phủ (2016), *Nghị định số 11/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*, ngày 03/2/2016, Khoản 3, Điều 3.

² Quốc hội (2012), *Bộ luật Lao động*; Điều 169, Điều 172.

Thứ hai, đối với người sử dụng lao động

Điều kiện đối với NSDLĐ trong việc tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, chủ thể được quyền sử dụng NLĐ là công dân nước ngoài rất đa dạng, bao gồm:

(i) Nhóm chủ thể kinh doanh như:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng; văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập; văn phòng của dự án nước ngoài hoặc của tổ chức quốc tế tại Việt Nam; văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- Hội, hiệp hội doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(ii) Nhóm chủ thể là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Tổ chức sự nghiệp có thể là công lập hoặc thuộc thành phần kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

(iii) Nhóm chủ thể là tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam³.

Hai là, NSDLĐ trước khi tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trên lãnh thổ Việt Nam phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền⁴.

1.2. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Hiện nay, việc cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau:

- Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ Quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam (NĐ 87); trong đó tại Khoản 6, Điều 14 có quy định:

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội triển khai cấp giấy phép lao động theo trình tự và

³ Quốc hội (2012), *Bộ luật Lao động*, Khoản 1, Điều 170; Chính phủ (2016), *Nghị định số 11/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*, ngày 3/2/2012, Khoản 2, Điều 2.

⁴ Quốc hội (2012), *Bộ luật Lao động*, Khoản 2, Điều 170.

thủ tục rút gọn cho người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

- Thông tư số 24/2015/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Quy định chi tiết thi hành Khoản 6, Điều 14 Nghị định số: 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 (viết tắt TT 24).

- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (viết tắt NĐ 11), thay thế Nghị định số 102/2013/NĐ-CP và Điểm a Mục 4 Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 8/7/2014 của Chính phủ.

Qua nghiên cứu nội dung các văn bản nêu trên, tác giả có một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, Điều 175 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định, Chính phủ quy định cụ thể điều kiện cấp, việc cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động đối với lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam.

Điều đó có nghĩa là, Quốc hội chỉ ủy quyền cho Chính phủ thẩm quyền có liên quan đến việc cấp giấy phép lao động đối với lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, và đương nhiên Chính phủ không thể ủy quyền lại cho Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện nhiệm vụ này

Thứ hai, trong NĐ 11 đã quy định thẩm quyền cấp giấy phép lao động cho NLD nước ngoài là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh.

Thứ ba, cùng nội dung trên nhưng trong TT 24 lại quy định, Cục Việc làm (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) có thẩm quyền trong việc cấp giấy phép lao động cho chuyên gia khoa học công nghệ.

Điểm tiến bộ trong văn bản này là thời gian được rút ngắn hơn, và linh hoạt về phương thức gửi hồ sơ với các nội dung như sau:

(i) Trước thời hạn ít nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày chuyên gia khoa học công nghệ dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam thì cơ quan, tổ chức phải nộp trực tiếp 1 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc thư điện tử qua website <http://www.vieclamvietnam.gov.vn> đến Cục Việc làm.

Trong khi đó, theo NĐ 11 thì thời gian quy định ít nhất là 15 ngày khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội nơi NLD nước ngoài có toàn bộ thời gian làm việc cho NSDLĐ và cũng không quy định nộp trực tuyến.

(ii) Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, Cục Việc làm (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) cấp giấy phép lao động cho chuyên gia khoa học công nghệ.

Cũng cùng nội dung này thì trong NĐ 11 quy định thời gian là 7 ngày. Đó là nội dung tiến bộ trong TT 24 so với cách quy định trong NĐ 11 của Chính phủ.

1.3. Về chủ thể giao kết hợp đồng lao động

Cho dù là lao động trong nước, lao động là công dân nước ngoài bình thường hoặc lao động là chuyên gia nước ngoài thì sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thể hiện bằng hợp đồng lao động (HDLĐ), tức là sự thỏa thuận giữa NLD và NSDLĐ về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động⁵.

Có mấy vấn đề đặt ra có liên quan đến nội dung trên như sau:

Thứ nhất, đối tượng áp dụng của Bộ luật Lao động năm 2012 (BLLĐ năm 2012) theo Điều 2, đó là: (i) NLD Việt Nam, người học nghề, tập nghề và NLD khác được quy định trong Bộ luật; (ii) Người sử dụng lao động; (iii) NLD nước ngoài làm việc tại Việt Nam; (iv) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

Hay nói cách khác, *người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam* là chủ thể trong quan hệ pháp luật lao động.

Thứ hai, để làm rõ về nội dung người lao động nước ngoài, chúng ta cần tìm hiểu các khái niệm có liên quan đến quốc tịch, quốc tịch nước ngoài, người nước ngoài. Về vấn đề này, pháp luật nước ta đã quy định như sau:

(i) Quốc tịch nước ngoài là quốc tịch của một nước khác không phải là quốc tịch Việt Nam.

(ii) Người không quốc tịch là người không có quốc tịch Việt Nam và cũng không có quốc tịch nước ngoài.

(iii) Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam là công dân nước ngoài và người không quốc tịch thường trú hoặc tạm trú ở Việt Nam⁶.

Như vậy, khi nói đến *người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam* đã hàm ý đến hai đối tượng: công dân nước ngoài và người không quốc tịch làm việc tại Việt Nam.

Thứ ba, Mục 3 Chương XI BLLĐ năm 2012 Về NLD Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, lao động cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, lao động là người nước ngoài tại làm việc tại Việt Nam; trong đó có các quy định sau:

Điều 169. Điều kiện của lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam

Điều 170. Điều kiện tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài

Điều 171. Giấy phép lao động cho lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 172. Công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động

⁵ Quốc hội (2015), *Bộ luật Lao động*, Điều 15.

⁶ Quốc hội (2008, 2014), *Luật Quốc tịch*; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5, Điều 3.

Bên cạnh đó, tại Khoản 1 Điều 2 của NĐ 11 quy định:

Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) ...

Qua cách quy định trên, chúng ta có thể thấy dường như các nhà lập pháp đã đánh đồng thuật ngữ: *người lao động nước ngoài* và *lao động là công dân nước ngoài* nên không quy định các nội dung có liên quan đến *lao động là người nước ngoài không có quốc tịch*.

Do vậy, để cho phép đối với đối tượng này làm việc tại Việt Nam, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ có thể áp dụng pháp luật tương tự mà thôi. Và rõ ràng là, nội dung của Điều 2 BLLĐ năm 2012 với các quy định khác trong pháp luật lao động nước ta đã thiếu đi sự nhất quán.

Thứ tư, như đã trình bày ở trên, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu nước ngoài trước khi tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trên lãnh thổ Việt Nam phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, ngoài các nguyên tắc trong giao kết HĐLĐ được quy định tại Điều 17 BLLĐ năm 2012 như: (i) Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực; (ii) Tự do giao kết HĐLĐ nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội, ý chí của lao động là người nước ngoài và NSDLĐ còn phụ thuộc vào ý chí của Nhà nước.

Vì thế, HĐLĐ trong trường hợp này, ngoài yếu tố dân sự còn mang đậm dấu ấn của *yếu tố hành chính*. Đây là đặc trưng dẫn đến có thể làm chấm dứt sự kiện pháp lý trong quan hệ lao động mà không phải là lỗi của các bên.

2. Kiến nghị

Thứ nhất, để thống nhất giữa đối tượng áp dụng được quy định tại Khoản 3 Điều 2 BLLĐ năm 2012: Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; đề nghị thay đổi tên các Điều: 169, 170, 171, 172 của BLLĐ năm 2012 bằng cách: thay cụm từ: “lao động là công dân nước ngoài” bằng cụm từ: “người lao động nước ngoài”, cũng như nội dung của các Điều: 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 của BLLĐ năm 2012 cùng với sự thay đổi trên.

Sau khi thay đổi, tên các Điều nói trên sẽ là:

Điều 169. Điều kiện của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 170. Điều kiện tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 171. Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 172. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Đồng thời, cũng thay đổi tương tự trong các văn bản hướng dẫn thi hành BLLĐ năm 2012.

Thứ hai, theo Khoản 6, Điều 14 NĐ 87/2014/NĐ-CP thì chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam thuộc đối tượng phải được cấp giấy phép lao động.

Thời gian của họ làm việc tại Việt Nam trong hoạt động khoa học công nghệ phụ thuộc vào thời gian của đề tài, công việc mà họ tham gia. Trong khi đó, thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 02 năm theo quy định tại Điều 173 BLLĐ năm 2012.

Do vậy, nhằm phù hợp với yêu cầu công việc nêu trên, tác giả đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 173 BLLĐ năm 2012 như sau:

“Điều 173. Thời hạn của giấy phép lao động

1. Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 02 năm.
2. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn của giấy phép lao động có thể kéo dài hơn 2 năm. Giao Chính phủ quy định chi tiết Khoản 2 Điều này.”.

Thứ ba, về thẩm quyền cấp giấy phép lao động

Đề nghị thống nhất thẩm quyền cấp giấy phép lao động là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thay vì Cục Việc làm như trong TT 24 quy định để thống nhất với quy định trong các Nghị định của Chính phủ - văn bản quy phạm pháp luật có thứ bậc hiệu lực pháp lý cao hơn.

Thứ tư, về quy định: “NSDLĐ trước khi tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trên lãnh thổ Việt Nam phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” như đã viện dẫn ở trên là nhằm hướng đến việc bảo hộ cho đối tượng là người lao động trong nước.

Tuy nhiên, khi nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu vào thế giới trong bối cảnh Nhà nước ta ký kết nhiều thỏa thuận song phương, đa phương với các nước thì việc lao động người nước ngoài có nhu cầu và được chấp nhận được lao động tại nước ta cũng là điều phổ biến. Bên cạnh đó, theo MRA (hay MRAs: viết tắt của Mutual Recognition Arrangements), là thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong khuôn khổ AEC (Cộng đồng kinh tế ASEAN) về việc di chuyển lao động giữa các nước trong khu vực trong các lĩnh vực như: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (Engineering Services); dịch vụ kiến trúc (Architectural Services); dịch vụ kế toán (Accountancy Services); dịch vụ khảo sát (Surveying Services); dịch vụ điều dưỡng (Nursing Services), hành nghề y (Medical Practitioners); hành nghề dược (Dental Practitioners); hành nghề du lịch (Tourism Professionals): Lao động của các nước khu vực ASEAN muốn làm việc tại các quốc gia trong khối phải thực hiện theo quy trình do ASEAN quy định. Ví dụ như đối với dịch vụ Kiến trúc (Architectural Services):

- ASEAN thành lập Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN (AAC) quản lý việc thực hiện MRA này.

- Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban Giám sát về dịch vụ kiến trúc tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kiến trúc sư ASEAN.

- Quy trình đăng ký Kiến trúc sư ASEAN và đăng ký hành nghề tại một nước khác như sau:

Bước 1: Kiến trúc sư đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ Kiến trúc tại nước mình để xin cấp chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN (AA).

Bước 2: Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN.

Bước 3: Kiến trúc sư đã được cấp chứng nhận là Kiến trúc sư ASEAN sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kiến trúc sư ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kiến trúc sư nước ngoài có đăng ký (RFA) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.

Bước 4: Kiến trúc sư có RFA có thể hành nghề tự do hoặc phối hợp với các kiến trúc sư của nước sở tại⁷.

Trên cơ sở đó, tác giả đề nghị bổ sung Khoản 3 vào Điều 170 BLLĐ năm 2012: “*Đối với người lao động nước ngoài ở quốc gia có thỏa thuận với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các nội dung có liên quan đến việc công nhận, trình tự, thủ tục tiếp nhận lao động thì thực hiện theo nội dung thỏa thuận*”.

Sau khi sửa đổi, bổ sung, Điều 170 BLLĐ năm 2012 sẽ là:

“Điều 170. Điều kiện tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu trong nước chỉ được tuyển người lao động nước ngoài vào làm công việc quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

2. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu nước ngoài trước khi tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc trên lãnh thổ Việt Nam phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với người lao động nước ngoài ở quốc gia có thỏa thuận với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các nội dung có liên quan đến việc công nhận, trình tự, thủ tục tiếp nhận lao động thì thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận”.

⁷ Trần Tố Hào (2016), *Các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRAs) trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)*, truy cập tại địa chỉ: [http://congdoan.vn/tin-tuc/lao-dong-nam-chau-507/cac-thoa-thuan-thua-nhan-lan-nhau-\(mras\)-trong-cong-dong-kinh-te-asean-\(aec\)-125894.tld](http://congdoan.vn/tin-tuc/lao-dong-nam-chau-507/cac-thoa-thuan-thua-nhan-lan-nhau-(mras)-trong-cong-dong-kinh-te-asean-(aec)-125894.tld). Tham khảo đối chiếu với: *Building the ASEAN Community Mutual: Recognition Arrangements in Services ASEAN*, truy cập tại địa chỉ: <http://www.asean.org/storage/images/2015/October/outreach-document/Edited%20MRA%20Services-2.pdf>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), *Nghị định số 102/2013/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*, ngày 5/9, Hà Nội.
2. Chính phủ (2014), *Nghị định số 87/2014/NĐ-CP Quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam*, ngày 22/9, Hà Nội.
3. Chính phủ (2016), *Nghị định số 11/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*, ngày 3/2, Hà Nội.
4. Trần Tố Hảo (2016), *Các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRAs) trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)*, truy cập tại địa chỉ: [http://congdoan.vn/tin-tuc/lao-dong-nam-chau-507/cac-thoa-thuan-thua-nhan-lan-nhau-\(mras\)-trong-cong-dong-kinh-te-asean-\(aec\)-125894.tld](http://congdoan.vn/tin-tuc/lao-dong-nam-chau-507/cac-thoa-thuan-thua-nhan-lan-nhau-(mras)-trong-cong-dong-kinh-te-asean-(aec)-125894.tld), ngày 5/8/2018.
Tham khảo đối chiếu với: Building the ASEAN Community Mutual: Recognition Arrangements in Services ASEAN, truy cập tại địa chỉ:
<http://www.asean.org/storage/images/2015/October/outreach-document/Edited%20MRA%20Services-2.pdf>, ngày 5/8/2018.
5. Quốc hội (2008, 2014), *Luật Quốc tịch*, Hà Nội.
6. Quốc hội (2012), *Bộ luật Lao động*, Hà Nội.